

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế: **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P.Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		470.146.098.895	389.827.076.193
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	35.645.929.533	63.090.479.604
1.Tiền	111		35.645.929.533	32.090.479.604
2.Các khoản tương đương tiền	112			31.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	176.900.000.000	149.500.000.000
1.Chứng khoán kinh doanh	121			
2.Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			
3.Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		176.900.000.000	149.500.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		245.979.431.054	158.984.318.624
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	233.293.595.661	152.690.393.373
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	8.727.321.929	1.778.933.174
3.Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4.Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6.Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	6.297.300.169	6.801.644.498
7.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(2.338.786.705)	(2.286.652.421)
8.Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV.Hàng tồn kho	140	V.7	6.102.474.790	6.272.231.932
1.Hàng tồn kho	141		6.102.474.790	6.272.231.932
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		5.518.263.518	11.980.046.033
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.518.263.518	9.981.652.245
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152			1.998.393.788
3.Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153			
4.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5.Tài sản ngắn hạn khác	155			
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		180.766.809.274	188.998.057.654
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		15.000.000.000	15.000.000.000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu dài hạn nội bộ	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	15.000.000.000	15.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		109.401.369.108	122.137.492.011
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	97.690.540.518	108.074.385.031
- Nguyên giá	222		561.379.480.419	556.673.211.919
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(463.688.939.901)	(448.598.826.888)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11.710.828.590	14.063.106.980
- Nguyên giá	228		35.700.564.975	32.544.087.875
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(23.989.736.385)	(18.480.980.895)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.412.844	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.128.170.742	34.327.147.177
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28.100.000.000	28.100.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.2b	7.200.000.000	7.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.171.829.258)	(972.852.823)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác			23.185.856.580	17.482.005.622
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.473.978.083	16.506.850.486
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	10.711.878.497	975.155.136
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		650.912.908.169	578.825.133.847

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2025	Số đầu năm 01/1/2025
1	2	3		
A-NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		295.284.114.402	250.600.455.707
I.Nợ ngắn hạn	310		290.284.114.402	245.600.455.707
1.Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	70.799.492.471	97.455.471.663
2.Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		145.395.278	
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	22.930.310.340	15.484.709.929
4.Phải trả người lao động	314		78.365.636.082	64.734.647.453
5.Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	64.509.223.546	7.058.280.679
6.Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8.Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9.Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	20.174.863.162	10.478.372.779
10.Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a		
11.Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	33.359.193.523	50.388.973.204
13.Quỹ bình ổn giá	323			
14.Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II.Nợ dài hạn	330		5.000.000.000	5.000.000.000
1.Phải trả người bán dài hạn	331			
2.Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3.Chi phí phải trả dài hạn	333			
4.Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5.Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7.Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	5.000.000.000	5.000.000.000
8.Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b		
9.Trái phiếu chuyển đổi	339			
10.Cổ phiếu ưu đãi	340			
11.Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12.Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13.Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B-VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		355.628.793.767	328.224.678.140
I.Vốn chủ sở hữu	410	V.18	355.628.793.767	328.224.678.140
1.Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412			

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2025	Số đầu năm 01/1/2025
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		111.390.446.943	84.334.234.140
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		44.328.146.824	43.980.244.000
a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A			
b. LNST chưa phân phối kỳ này	421B		44.328.146.824	43.980.244.000
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác				
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430 = 300 + 400)	440		650.912.908.169	578.825.133.847

Ghi chú: Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn ().

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường

CTY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNGMã số thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 02a - DN(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
Quý 3 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	243.639.714.501	216.587.550.811	698.157.054.188	629.557.111.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		243.639.714.501	216.587.550.811	698.157.054.188	629.557.111.684
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	187.833.336.871	169.725.506.895	531.856.403.987	484.839.840.033
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		55.806.377.630	46.862.043.916	166.300.650.201	144.717.271.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	855.930.698	661.728.163	10.624.816.022	11.581.453.106
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	235.101.475	401.000.586	1.246.173.684	27.862.600
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-	-	3.949.970
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.308.751.297	6.070.388.734	20.603.269.789	17.155.416.664
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	11.979.410.775,0	9.936.423.805	44.166.285.813	38.515.557.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		37.139.044.781	31.115.958.954	110.909.736.937	100.599.887.602
11. Thu nhập khác	31	VI.7	117.880.744	101.178.129	279.302.351	244.387.547
12. Chi phí khác	32	VI.8	110.957.636	151.404.973	279.217.029	396.312.010
13. Lợi nhuận khác : (40 = 31 - 32)	40		6.923.108	(50.226.844)	85.322	(151.924.463)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế : (50 = 30 +40)	50		37.145.967.889	31.065.732.110	110.909.822.259	100.447.963.139
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		6.429.193.578	6.213.146.422	30.362.540.534	28.171.950.931
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9			(9.736.723.361)	(9.062.359.345)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp : 60 = 50 - 51-52)	60		30.716.774.311	24.852.585.688	90.284.005.086	81.338.371.553
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10				

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
Mã Số Thuế : **0309532497**

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, P. Cát Lái, Tp. HCM

Mẫu số B 03a - DN
(Ban hành theo TT200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	110.909.822.259	100.447.963.139
2.	Điều chỉnh cho các khoản:			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	20.598.868.503	18.245.145.927
-	Các khoản dự phòng	03	1.251.110.719	(408.996.145)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(73.093.461)	26.442.164
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.098.067.897)	(11.263.810.508)
-	Chi phí lãi vay	06		3.949.970
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	122.588.640.123	107.050.694.547
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(77.251.658.592)	(164.460.391.106)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	169.757.142	607.116.968
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	40.493.950.903	62.126.341.777
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.496.261.130	1.997.068.806
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(3.949.970)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(24.078.663.498)	(20.463.546.563)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	24.000.000	5.000.000
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(33.954.323.140)	(41.552.228.990)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	36.487.964.068	(54.693.894.531)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.234.155.570)	(14.381.357.104)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(226.900.000.000)	(223.500.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	199.500.000.000	218.000.000.000
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.600.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.425.957.488	12.141.872.152
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.208.198.082)	(11.339.484.952)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		

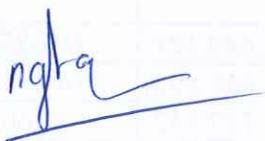
TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.653.645.716)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(35.803.362.500)	(32.583.733.500)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(35.803.362.500)	(35.237.379.216)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(27.523.596.514)	(101.270.758.699)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	63.090.479.604	124.086.819.543
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	79.046.443	(57.019.283)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	35.645.929.533	22.759.041.561

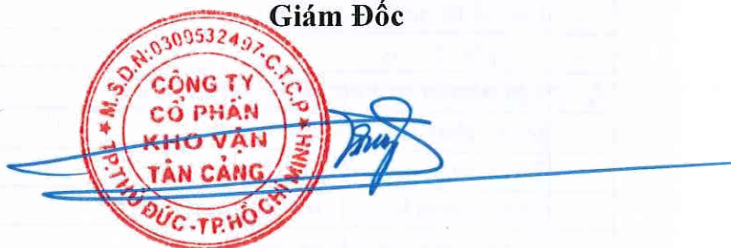
Ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám Đốc





Nguyễn Cẩm Trang

Nguyễn Thị Hồng Liên

Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36%	36%	36%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	Số 1295B, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	36%	36%	36%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 454 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 452 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng được dự trữ để phục vụ thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, được bảo quản ở tình trạng tốt và không cần trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm bao gồm chi phí bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm cháy nổ và bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí theo thời gian trên giấy chứng nhận bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	52.821.804	485.384.854
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.593.107.729	31.605.094.750
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)		31.000.000.000
Cộng	35.645.929.533	63.090.479.604

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng lãi suất 5,2%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	28.100.000.000	-	28.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	23.000.000.000	-	23.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	5.100.000.000	-	5.100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.200.000.000	(2.171.829.258)	7.200.000.000	(972.852.823)
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	3.600.000.000	-	3.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	3.600.000.000	(2.171.829.258)	3.600.000.000	(972.852.823)
Cộng	35.300.000.000	(2.171.829.258)	35.300.000.000	(972.852.823)

Số lượng cổ phần nắm giữ và tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các đơn vị như sau:

Tên Công ty	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	2.300.000	57,50%	2.300.000	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	510.000	51,00%	510.000	51,00%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	360.000	36,00%	360.000	36,00%
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	360.000	36,00%	360.000	36,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con và công ty liên kết

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	972.852.823	1.005.097.669
Trích lập dự phòng bổ sung	1.198.976.435	769.457.501
Hoàn nhập dự phòng		(818.108.446)
Số cuối kỳ	2.171.829.258	956.446.724

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	3.298.954.500	5.267.889.508
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	61.819.461.367	56.321.249.743
Cổ tức nhận được từ Công ty con	3.680.000.000	5.520.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	672.144.533	660.671.007
Cho Công ty con thuê đất	6.038.118.000	6.038.118.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	394.078.000	3.117.165.259
Mua nhiên liệu của Công ty con	1.750.570.581	5.134.112.590
Cổ tức nhận được từ Công ty con	1.530.000.000	1.530.000.000
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Express</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	348.237.622	6.600.000
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	13.224.084.898	5.431.719.102
<i>Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	2.203.264.953	-
Sử dụng dịch vụ của Công ty liên kết	793.456.000	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>186.788.494.572</i>	<i>106.522.873.168</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	176.460.928.292	96.951.472.781
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	1.853.650.874	4.131.662.111
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	4.513.691.309	4.571.195.114
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	419.951.920	260.156.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	21.661.420	41.549.760
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	69.738.747	516.390.332
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng	1.151.754.650	-
Công ty Cổ phần Đại lý GNVN Xếp dỡ Tân Cảng	158.353.000	50.447.070
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	4.306.360	-
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	2.134.458.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>46.505.101.089</i>	<i>46.167.520.205</i>
Cộng	<u>233.293.595.661</u>	<u>152.690.393.373</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>1.464.160.432</i>	<i>796.857.600</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp CNTT Tân Cảng	1.464.160.432	796.857.600
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>7.263.161.497</i>	<i>982.075.574</i>
Các nhà cung cấp khác	7.263.161.497	982.075.574
Cộng	<u>8.727.321.929</u>	<u>1.778.933.174</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	766.349.584	-	2.376.431.432	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – thu chi hộ nâng hạ	235.877.184	-	1.730.497.411	-
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái - Thu chi hộ nâng hạ	347.550.000	-	645.934.021	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Thu chi hộ nâng hạ	182.922.400	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	5.530.950.585	-	4.425.213.066	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	460.021.917	-	1.818.083.563	-
Tạm ứng	1.745.880.137	-	779.507.761	-
Các khoản đặt cọc, ký quỹ, ký cược	195.000.000	-	105.000.000	-
Các khoản chi hộ	2.989.314.271	-	1.282.202.870	-
Các khoản phải thu khác	140.734.260	-	440.418.872	-
Cộng	6.297.300.169	-	6.801.644.498	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Hiệp Lực – Đặt cọc tiền thuê đất	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	1.565.679.417	(1.565.679.417)	Trên 3 năm	1.565.679.417	(1.565.679.417)
Các khách hàng khác	Từ 1-3 năm	385.151.427	(331.110.288)	Trên 3 năm	278.976.004	(278.976.004)
Cộng		2.392.827.844	(2.338.786.705)		2.286.652.421	(2.286.652.421)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(2.286.652.421)	(2.666.997.621)
Trích lập dự phòng bổ sung	(72.134.284)	
Hoàn nhập dự phòng	20.000.000	360.345.200
Số cuối năm	(2.338.786.705)	(2.306.652.421)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	5.877.709.566	5.731.349.788
Công cụ, dụng cụ	224.765.224	540.882.144
Cộng	6.102.474.790	6.272.231.932

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	307.763.588	1.029.849.720
Chi phí bảo hiểm	2.699.510.338	4.940.645.722
Chi phí sửa chữa	1.542.077.609	3.861.911.454
Các chi phí khác	968.911.983	149.245.349
Cộng	5.518.263.518	9.981.652.245

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.487.762.331	2.933.482.201
Chi phí sửa chữa	9.614.975.802	11.936.825.291
Các chi phí khác	1.371.239.950	1.636.542.994
Cộng	12.473.978.083	16.506.850.486

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	171.403.054.122	193.641.288.535	122.939.323.445	7.598.866.577	61.090.679.240	556.673.211.919
Mua trong kỳ		2.972.100.000		1.006.936.000	727.232.500	4.706.268.500
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	171.403.054.122	196.613.388.535	122.939.323.445	8.605.802.577	61.817.911.740	561.379.480.419
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.609.286.672	160.010.633.649	108.008.883.711	2.131.367.052	49.626.494.987	368.386.666.071
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	106.821.458.902	173.737.761.617	109.883.633.257	3.403.309.608	54.752.663.504	448.598.826.888
Khấu hao trong kỳ	6.290.885.289	4.129.013.433	1.800.292.294	1.052.699.840	1.817.222.157	15.090.113.013
Thanh lý, nhượng bán						
Số cuối kỳ	113.112.344.191	177.866.775.050	111.683.925.551	4.456.009.448	56.569.885.661	463.688.939.901
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	64.581.595.220	19.903.526.918	13.055.690.188	4.195.556.969	6.338.015.736	108.074.385.031
Số cuối kỳ	58.290.709.931	18.746.613.485	11.255.397.894	4.149.793.129	5.248.026.079	97.690.540.518
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	32.544.087.875	(18.480.980.895)	14.063.106.980
Mua trong kỳ	3.156.477.100		3.156.477.100
Khấu hao trong kỳ		(5.508.755.490)	(5.508.755.490)
Số cuối kỳ	35.700.564.975	(23.989.736.385)	11.710.828.590

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.843.555.930VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	975.155.136	732.080.514
Phát sinh trong năm	10.711.878.497	9.794.439.859
Hoàn nhập trong năm	(975.155.136)	(732.080.514)
Số cuối năm	10.711.878.497	9.794.439.859

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	43.568.083.654	51.528.142.214
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.111.104.630	2.292.773.345
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	106.859.520	881.667.790
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	17.104.401.533	24.158.124.343
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	2.693.767.257	3.745.927.376
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	7.042.872.633	7.413.895.041
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	8.571.609.501	8.425.372.900
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	106.377.200	1.052.831.748
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	10.501.920	5.956.200
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	250.316.514	675.015.012
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	826.024.610	1.672.431.300
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	118.704.960	382.151.520
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước		20.172.240
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	580.787.536	504.235.879
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu		295.812.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	2.535.840	1.775.520
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	15.000.000	
Công ty TNHH MTV Cảng Tân Cảng – Cái Mép Thị Vải	18.040.000	
Công ty Cổ phần Mười lăm Tháng ba	9.180.000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	27.231.408.817	45.927.329.449
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai	3.727.569.393	10.235.666.397
Các nhà cung cấp khác	23.503.839.424	35.691.663.052
Cộng	70.799.492.471	97.455.471.663

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	27.224.324.793	(24.329.286.249)	2.895.038.544
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.078.663.498	30.362.540.534	(24.078.663.498)	19.362.540.534
Thuế thu nhập cá nhân	2.406.046.431	11.028.266.659	(12.761.581.828)	672.731.262
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	
Thuế nhà thầu	-	180.760.972	(180.760.972)	
Cộng	15.484.709.929	68.798.892.958	(61.353.292.547)	22.930.310.340

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>51.098.920.093</i>	<i>2.633.400.234</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng	41.500.084.923	1.829.144.000
Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	21.586.000	136.523.418
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực - Chi phí nhiên liệu	5.563.625.651	449.714.316
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	213.409.278	79.769.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải	2.145.000	408.000
Xếp dỡ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	90.366.166	-
Công ty CP Tân Cảng Miền Trung - Chi phí nâng hạ	173.756.610	-
Công ty CP DV Kỹ thuật Tân Cảng - Chi phí nhiên liệu	141.040.000	17.529.000
Công ty CP Dịch vụ Container Tân Cảng - Chi phí vệ sinh sửa chữa cont	93.489.000	89.038.000
Công ty CP Depot Kho vận Tân Cảng - phí trung chuyển	1.658.229.515	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express - Chi phí xếp dỡ	12.033.000	31.274.500
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng - phí nâng hạ	242.198.450	-
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí nâng hạ, trung chuyển	1.386.956.500	4.424.880.445
Công ty Cổ phần Mười lăm tháng ba- Chi phí xếp dỡ	<i>13.410.303.453</i>	<i>4.424.880.445</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>9.487.638.816</i>	<i>1.805.177.579</i>
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	1.223.745.506	865.329.783
Chi phí hoa hồng	2.698.919.131	1.754.373.083
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	<i>64.509.223.546</i>	<i>7.058.280.679</i>
Cộng		

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>10.000.000.000</i>	
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn - cổ tức phải trả	10.000.000.000	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>10.174.863.162</i>	<i>10.478.372.779</i>
Kinh phí công đoàn	1.277.863.770	1.337.763.218
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.595.389.316	1.932.562.610

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.417.046.593	1.273.152.383
Cổ tức phải trả	2.754.102.220	2.578.118.720
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.130.461.263	3.356.775.848
Cộng	20.174.863.162	10.478.372.779

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

15b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	5.000.000.000	5.000.000.000
– Đặt cọc tiền thuê đất		

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

Công ty không có khoản vay ngân hàng.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người quản lý	Cộng
Số đầu năm	20.261.638.693	29.489.834.511	637.500.000	50.388.973.204
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	20.180.680.293	5.045.170.074	-	25.225.850.367
Tăng khác	24.000.000		-	24.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(26.986.300.000)	(6.330.523.140)	(637.500.000)	(33.954.323.140)
Hoàn lại quỹ đã trích năm trước (xem thuyết minh V.17d)		(8.325.306.908)		(8.325.306.908)
Số cuối kỳ	13.480.018.986	19.879.174.537		33.359.193.523

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ trước				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	74.714.509.911	43.980.244.000	318.604.953.911
Lợi nhuận trong kỳ			81.338.371.553	81.338.371.553
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước			(43.980.244.000)	(43.980.244.000)
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận trong kỳ		8.133.837.156	(35.547.587.154)	(27.413.749.998)
Số dư cuối kỳ	199.910.200.000	82.848.347.067	45.790.784.399	328.549.331.466
Kỳ này				
Số dư đầu năm	199.910.200.000	84.334.234.140	43.980.244.000	328.224.678.140

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Lợi nhuận trong kỳ			90.284.005.086	90.284.005.086
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước			(45.979.346.000)	(45.979.346.000)
Trích bổ sung/(hoàn nhập) các quỹ từ lợi nhuận năm trước		6.326.204.908	1.999.102.000	8.325.306.908
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận trong kỳ		20.730.007.895	(45.955.858.262)	(25.225.850.367)
Số dư cuối kỳ	199.910.200.000	111.390.446.943	44.328.146.824	355.628.793.767

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	199.910.200.000	199.910.200.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2025 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	: 45.979.346.000
• Trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển	: 6.326.204.908
• Hoàn lại các quỹ đã tạm trích cao hơn số được duyệt	: (8.325.306.908)
- Quỹ phúc lợi	: (8.325.306.908)

Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2025 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 20.730.007.895
• Trích quỹ khen thưởng	: 20.180.680.293
• Trích quỹ phúc lợi	: 5.045.170.074

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tiền bao gồm 373.124,83 USD (số đầu năm là 1.225,44 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	698.157.054.188	629.557.111.684

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	324.612.210.820	287.104.300.110
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	981.290.225	499.102.779
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	336.983.230	359.518.250
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng Cái Mép	1.976.350.000	
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	94.605.297	204.343.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	30.472.796	27.885.796

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp dịch vụ	531.856.403.987	484.839.840.033

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	4.888.067.897	4.213.810.508
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.210.000.000	7.050.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	414.069.936	317.642.598
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	112.678.189	
Cộng	10.624.816.022	11.581.453.106

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay		3.949.970
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	47.197.249	46.121.411
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản		26.442.164

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		
	Dự phòng/ Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	1.198.976.435	(48.650.945)
	Cộng	1.246.173.684	27.862.600
5.	Chi phí bán hàng		
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.730.947.556	12.330.021.770
	Các chi phí khác	6.872.322.233	4.825.394.894
	Cộng	20.603.269.789	17.155.416.664
6.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Chi phí cho nhân viên	11.234.602.269	10.191.236.096
	Chi phí vật liệu quản lý	974.075.037	903.542.221
	Chi phí đồ dùng văn phòng	2.565.264.886	1.697.882.468
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	866.989.340	653.813.274
	Thuế, phí và lệ phí	39.206.469	60.693.432
	Dự phòng/Hoàn nhập phải thu khó đòi	52.134.284	(360.345.200)
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.395.729.895	3.366.625.948
	Các chi phí khác	25.038.283.633	22.002.109.652
	Cộng	44.166.285.813	38.515.557.891
7.	Thu nhập khác		
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Thu tiền bồi thường nhiên liệu	258.080.569	241.865.601
	Các khoản thu nhập khác	21.221.782	2.521.946
	Cộng	279.302.351	244.387.547
8.	Chi phí khác		
		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
	Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	279.216.421	237.769.325
	Phạt trả nợ gốc vay trước hạn		15.107.143
	Chi phí khác	608	143.435.542
	Cộng	279.217.029	396.312.010
9.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
		Trong kỳ công ty không phát sinh.	
10.	Lãi trên cổ phiếu		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.919.322.173	31.176.175.954
Chi phí nhân công	174.955.341.104	160.436.680.860
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.598.868.503	18.245.145.927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	319.337.330.106	284.345.515.743
Chi phí khác	52.815.097.703	46.515.251.658
Cộng	596.625.959.589	540.718.770.142

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này							
Hội đồng quản trị							
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch		522.949.418	154.469.376	98.437.500		775.856.294
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên		-	-	70.312.500	45.000.000	115.312.500
Ông Đoàn Phi	Thành viên		415.482.780	125.022.166	75.000.000	45.000.000	660.504.946
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/ Giám đốc		554.942.774	136.883.848	60.937.500	45.000.000	797.764.122
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên		-	20.101.587	60.937.500	45.000.000	126.039.087
Ban kiểm soát							
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban		-	-	56.250.000	45.000.000	101.250.000
Bà Đỗ Phương Thảo	Thành viên		-	-		12.000.000	12.000.000
Bà Đặng Thùy Trang	Thành viên		-	-		12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (Đến 29/5/2025)		-	-	28.125.000	15.000.000	43.125.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên BKS (Đến 29/5/2025)		-	-	28.125.000	15.000.000	43.125.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng người quản lý	Thù lao	Cộng thu nhập
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	415.343.309	125.022.166	60.937.500	-	601.302.975
Ông Nguyễn Văn Hào	Phó Giám đốc	340.355.786	106.185.123	-	-	446.540.909
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	267.305.354	92.315.734	56.250.000	22.500.000	438.371.088
Cộng		2.516.379.421	760.000.000	637.500.000	301.500.000	4.191.379.421
Kỳ trước						
Hội đồng quản trị						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	485.060.942	99.248.978	80.694.444	-	665.004.364
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên/Giám đốc (Từ 25/4/2024)	288.828.781	15.245.942	-	25.000.000	329.074.723
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên/Giám đốc (Đến 25/4/2024)	211.651.568	88.645.892	73.009.259	30.000.000	403.306.719
Ông Đoàn Phi	Thành viên/ Phó Giám đốc	386.988.495	81.971.462	61.481.481	45.000.000	575.441.438
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	-	-	57.638.889	45.000.000	102.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	-	-	57.638.889	35.000.000	92.638.889
Ban kiểm soát						
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban			46.111.111	45.000.000	91.111.111
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên (Từ 25/4/2024)	-	-	-	12.500.000	12.500.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên (Từ 25/4/2024)	-	-	-	12.500.000	12.500.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (Đến 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên (Đến 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Ban Điều hành						
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	382.893.199	79.367.990	49.953.704	-	512.214.893
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	258.197.502	56.519.736	46.111.111	22.500.000	383.328.349
Cộng		2.013.620.487	421.000.000	518.750.000	292.500.000	3.245.870.487

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express
Công ty Cổ phần Depot Kho vận Tân Cảng
Công ty Cổ phần Mười lăm Tháng ba
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty liên kết
Bên liên quan của thành
viên HĐQT
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng
Công ty TNHH Tiếp vận Tân Cảng HMM
Công ty Cổ phần Bay và Du lịch Biển Tân Cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước

Mối quan hệ

Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cùng Tập đoàn

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

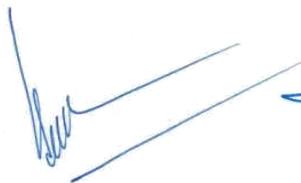
Lập, ngày 24 tháng 10 năm 2025

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường